

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28 tháng 09 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

Điều 1. Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

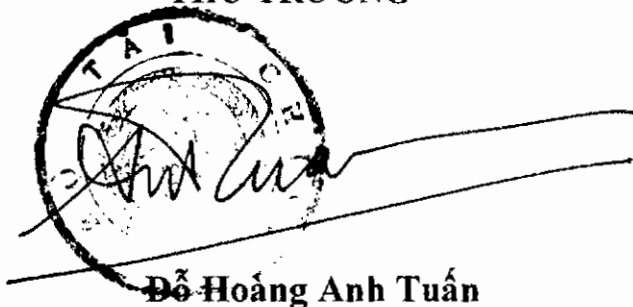
Điều 2. Bãi bỏ Thông tư số 24/2009/TT-BTC ngày 5/2/2009, số 30/2009/TT-BTC ngày 11/2/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đối với các Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày **23** tháng 02 năm 2009. / *ky*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI
MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2710**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33 /2009/TT-BTC ngày 19 /02/2009 của Bộ Tài chính)

| Mã hàng | | | | Mô tả hàng hoá | Thuế suất (%) |
|---------|----|----|----|--|---------------|
| 2710 | | | | Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải. | |
| | | | | - Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ dầu thải: | |
| 2710 | 11 | | | -- Dầu nhẹ và các chế phẩm: | |
| | | | | --- Xăng động cơ: | |
| 2710 | 11 | 11 | 00 | ---- Có pha chì, loại cao cấp | 20 |
| 2710 | 11 | 12 | 00 | ---- Không pha chì, loại cao cấp | 20 |
| 2710 | 11 | 13 | 00 | ---- Có pha chì, loại thông dụng | 20 |
| 2710 | 11 | 14 | 00 | ---- Không pha chì, loại thông dụng | 20 |
| 2710 | 11 | 15 | 00 | ---- Loại khác, có pha chì | 20 |
| 2710 | 11 | 16 | 00 | ---- Loại khác, không pha chì | 20 |
| 2710 | 11 | 20 | 00 | --- Xăng máy bay | 20 |
| 2710 | 11 | 30 | 00 | --- Tetrapropylene | 20 |
| 2710 | 11 | 40 | 00 | --- Dung môi trắng (white spirit) | 20 |
| 2710 | 11 | 50 | 00 | --- Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% | 20 |
| 2710 | 11 | 60 | 00 | --- Dung môi khác | 20 |
| 2710 | 11 | 70 | 00 | --- Naphtha, reformat và các chế phẩm khác để pha chế xăng | 20 |
| 2710 | 11 | 90 | 00 | --- Loại khác | 20 |
| 2710 | 19 | | | -- Loại khác: | |
| | | | | --- Dầu trung (có khoảng sôi trung bình) và các chế phẩm: | |
| | | | | | |

| Mã hàng | | | | Mô tả hàng hoá | Thuế suất (%) |
|---------|----|----|----|--|---------------|
| 2710 | 19 | 13 | 00 | ---- Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên | 25 |
| 2710 | 19 | 14 | 00 | ---- Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C | 25 |
| 2710 | 19 | 16 | 00 | ---- Kerosene | 40 |
| 2710 | 19 | 19 | 00 | ---- Loại khác | 15 |
| 2710 | 19 | 20 | 00 | ---- Dầu thô đã tách phần nhẹ | 5 |
| 2710 | 19 | 30 | 00 | ---- Nguyên liệu để sản xuất than đen | 5 |
| | | | | --- Dầu và mỡ bôi trơn: | |
| 2710 | 19 | 41 | 00 | ---- Dầu khoáng sản xuất dầu bôi trơn | 5 |
| 2710 | 19 | 42 | 00 | ---- Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay | 5 |
| 2710 | 19 | 43 | 00 | ---- Dầu bôi trơn khác | 10 |
| 2710 | 19 | 44 | 00 | ---- Mỡ bôi trơn | 5 |
| 2710 | 19 | 50 | 00 | --- Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh) | 3 |
| 2710 | 19 | 60 | 00 | --- Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch | 5 |
| | | | | --- Dầu nhiên liệu: | |
| 2710 | 19 | 71 | 00 | ---- Nhiên liệu diesel dùng cho động cơ tốc độ cao | 25 |
| 2710 | 19 | 72 | 00 | ---- Nhiên liệu diesel khác | 25 |
| 2710 | 19 | 79 | 00 | ---- Nhiên liệu đốt khác | 35 |
| 2710 | 19 | 90 | 00 | --- Loại khác | 40 |
| | | | | - Dầu thải: | |
| 2710 | 91 | 00 | 00 | -- Chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs) | 20 |
| 2710 | 99 | 00 | 00 | -- Loại khác | 20 |